

Số: 479/2025/QĐST-HNGĐ

HN, ngày 29 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 434/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh 13/9/1981; số định danh cá nhân: 001081014509; nơi cư trú: Thôn Tiên Đ, xã Yên L, thành phố HN.

Bị đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh 17/02/1986; số định danh cá nhân: 026186003415; nơi cư trú: Thôn Tiên Đ, xã Yên L, thành phố HN.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh chị có 03 con chung là Đặng Thị Thu H, sinh 23/10/2005; Đặng Tiến Đ, sinh 05/12/2011 và Đặng Sơn T, sinh 29/4/2013; các cháu đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Cháu Hoài đã thành niên (đủ 18 tuổi). Ly hôn, anh chị đã thống nhất anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T và chị T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công sức, nợ chung:** Các bên thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Án phí ly hôn 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng mỗi bên chịu 1/2, hai bên thỏa thuận để anh T chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0012092 ngày 16/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – HN. Anh T được nhận lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND khu vực 7 – HN;
 - Phòng THADS khu vực 7 – HN;
 - UBND xã Yên L, TP. HN
- (GCN kết hôn số 33/2004 ngày 29/11/2004
của Ủy ban nhân dân xã Vạn Y, H. Mê L,
T. Vĩnh P cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Tuyền